

Bản án số: 205/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21/9/2022

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoàn; Bà Phạm Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 155/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 về “ Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 172/2022/QĐ-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn Ng**, sinh năm 1995.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn K, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị **Lương Thị N**, sinh năm 1996.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương. Hiện đang lao động tại: Nhật Bản. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Ng trình bày: Anh và chị N tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương ngày 18/10/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xích mích, cãi nhau. Nhiều lần chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Ban đầu anh

có đến đón, về sau này anh không đón nữa. Khoảng năm 2018 chị N tự ý làm thủ tục đi nước ngoài không bàn bạc với anh, đến năm 2020 thì chấm dứt liên lạc. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh và chị N không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của bà Nguyễn Thị Phương C là mẹ đẻ chị N xác định: Chị N đi Nhật Bản lao động từ năm 2018, từ khi đi chị N chưa về Việt Nam lần nào, bà không biết địa chỉ của chị N nên không thể cung cấp cho Tòa án, nhưng chị N thường xuyên liên lạc điện thoại về gia đình. Bà C cho biết vợ chồng anh Ng, chị N sống không hạnh phúc, mặc dù kết hôn được 06 năm, nhưng vợ chồng hòa thuận khoảng được 4 tháng, thời gian còn lại là vợ chồng mâu thuẫn, mỗi người ở một nơi. Bà C đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị N biết. Sau khi được thông báo, chị N không có quan điểm giải quyết vụ án bằng văn bản, mà chỉ thông qua liên lạc điện thoại với gia đình, chị N có quan điểm: Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh Ng có đơn xin ly hôn chị cũng nhất trí. Về con chung, tài sản chung, nợ chung chị N xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Tòa án xác minh tại Ủy ban nhân xã Đ thể hiện: Anh Ng, chị N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương. Anh Ng, chị N có thời gian sống tại địa phương, nhưng do có mâu thuẫn trong việc phát triển kinh tế nên chị N đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, sau đó đi lao động tại nước ngoài. Nay địa phương đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS). Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Ng được ly hôn chị N. Về án phí: Anh Ng phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Ng có nơi cư trú tại thôn K, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương. Bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại thôn H, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương, hiện đang lao động tại Nhật Bản không rõ địa chỉ. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Ng không cung cấp được địa chỉ của chị N ở Nhật Bản. Qua xác minh tại gia đình chị N thì được biết, chị N thường xuyên liên lạc với mẹ đẻ là Nguyễn Thị Phương C. Bà C đồng ý nhận các văn bản tố

tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị N biết. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai chị N vẫn vắng mặt, anh Ng đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Ng và chị Lương Thị N kết hôn trên cơ sở tự Ng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương ngày 18/10/2016 nên hôn của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng còn trẻ, hay giận dỗi, không có tiếng nói chung trong cuộc sống và trong làm ăn kinh tế. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Thông qua gia đình, chị N cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị có quan điểm đồng ý ly hôn. Mâu thuẫn giữa anh Ng, chị N được chứng minh thông qua lời khai của đại diện gia đình, quan điểm của địa phương và của các đương sự. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Ng, chị N đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không ai quan tâm tới ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Ng ly hôn chị N là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh Ng, chị N xác định không có nên không yêu cầu. Do vậy, HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Ng phải chịu án phí dân sự (về hôn nhân gia đình) sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 65 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn Ng ly hôn chị Lương Thị N
2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Ng phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân và gia đình). Đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí, theo biên lai thu số AA/2021/0000383 ngày 25/5/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.
3. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Ng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Lương Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục T.H.A DS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, K (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Minh Tân